

Số: 124 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 28 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất (đợt 1) cho Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần – Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long để thực hiện dự án Khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang (để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án xây dựng Đường tỉnh 289 kéo dài (đoạn từ thị trấn Chũ đi Đồng Đình; nối QL31 với ĐT293); đường Nguyễn Thị Minh Khai kéo dài; hệ thống tiêu thoát nước và giao thông khu A, B thuộc Khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang theo hình thức hợp đồng BT)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; số 69/2019/NĐ-CP ngày 15/8/2019 quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao; số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Công văn số 11/TTg-NN ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa đất thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 481/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 về việc chấp thuận đầu tư Dự án: Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang; số 737/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất năm 2030 thành phố Bắc Giang; số 1053/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Bắc Giang;

Theo đề nghị của: Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long tại Đơn xin giao đất (đợt 1) ngày 28/12/2021; UBND thành phố Bắc Giang tại Tờ trình số 551/TTr-UBND ngày 29/12/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 47/TTr-TNMT ngày 20/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất:

1. Thu hồi diện tích 3.702,6m² (Ba nghìn bảy trăm linh hai phẩy sáu mét vuông) do UBND xã Dĩnh Kế (50,5m²), UBND xã Tân Tiến (3.652,1m²) được UBND tỉnh giao quản lý tại các Quyết định: số 94/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 và số 162/QĐ-UBND ngày 29/3/2017.

2. Chuyển mục đích sử dụng (đợt 1) với diện tích 388.475,0m² (Ba trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi năm mét vuông), trong đó: có 3.702,6m² đã thu hồi tại mục 1; 384.772,4m² đất đã được UBND thành phố Bắc Giang thu hồi đất và giải phóng mặt bằng. Trong đó:

Loại đất	Diện tích các loại đất (m ²)		
	Tổng	Xã Tân Tiến	Dĩnh Kế
Đất chuyên trồng lúa (LUC)	210.786,3	104.367,4	106.418,9
Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	1.364,7	1.364,7	0
Đất trồng cây hàng năm khác (BHK)	119.893,8	104.711,8	15.182,0
Đất trồng cây lâu năm (CLN)	2.441,6	1.556,9	884,7
Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	23.980,4	15.219,2	8.761,2
Đất giao thông (DGT)	20.749,0	13.573,4	7.175,6
Đất thủy lợi (DTL)	3.181,5	1.430,3	1.751,2
Đất cơ sở thể dục - thể thao (DTT)	5.617,5	5.617,5	0
Đất công trình năng lượng (DNL)	84,1	84,1	0
Đất trồng cây lâu năm khác (HNK)	376,1	376,1	0
TỔNG	388.475,0	248.301,4	140.173,6

(UBND thành phố Bắc Giang chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng quy định pháp luật của việc thu hồi và phê duyệt phương án BTGPMB. Chi tiết danh sách các thửa đất chuyển mục đích sử dụng đất theo Tờ trình số 551/TTr-UBND ngày 29/12/2021 của UBND thành phố Bắc Giang)

3. Giao đất để sử dụng vào các mục đích như sau:

3.1. Giao toàn bộ diện tích 388.475,0m² (Ba trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi năm mét vuông) đã chuyển mục đích sử dụng đất (đợt 1) tại mục 2 nêu trên cho Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long để thực hiện xây dựng Hạ tầng dự án Khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang.

3.2. Giao đất ở để thanh toán dự án Xây dựng Đường tỉnh 289 kéo dài (đoạn từ thị trấn Chũ đi Đồng Đình; nối QL31 với ĐT293); đường Nguyễn Thị Minh Khai kéo dài; hệ thống tiêu thoát nước và giao thông khu A, B thuộc Khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao

đối với diện tích: 26.390,8m² (Hai mươi sáu nghìn, ba trăm chín mươi bảy tám mét vuông).

(Có bảng tổng hợp cơ cấu, diện tích giao đất và diện tích đất ở thanh toán kèm theo).

4. Giao UBND phường Dĩnh Kế (1.219,1m² đất) và UBND xã Tân Tiến (1.901,4m² đất) để thiết lập hồ sơ, quản lý theo quy định pháp luật phần diện tích đất thu hồi nằm ngoài chỉ giới thực hiện dự án (không chuyển mục đích sử dụng đất).

5. Địa điểm: xã Tân Tiến và phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang.

(Vị trí, ranh giới khu đất được xác định bằng đường chỉ đỏ trên các tờ bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/500 kèm theo hồ sơ lưu trữ tại Sở TN&MT).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Thu phí, lệ phí; chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai chỉnh lý biên động, xử lý giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất đã thu hồi; chủ trì xây dựng phương án giá đất và xác nhận đủ điều kiện chuyển nhượng đối với các lô đất đã giao đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang và các cơ quan có liên quan xác định và hướng dẫn Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long thực hiện nghĩa vụ tài chính, thanh toán hợp đồng theo quy định của pháp luật.

3. UBND thành phố Bắc Giang: Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND xã Tân Tiến, UBND phường Dĩnh Kế tổ chức bàn giao đất tại thực địa cho Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký Quyết định này; chỉ đạo chỉnh lý hồ sơ địa chính; thiết lập hồ sơ, quản lý chặt chẽ phần diện tích đất được giao tại khoản 4, Điều 1 nêu trên, không để xảy ra lấn chiếm, tự ý chuyển mục đích.

4. Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long:

4.1. Thực hiện theo đúng Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (Hợp đồng BT) đã ký kết.

4.2. Phối hợp với UBND thành phố Bắc Giang và các cơ quan có liên quan nhận bàn giao đất trên thực địa; đưa đất vào sử dụng và sử dụng đất đúng ranh giới, mục đích được giao; thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai; chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai, kinh doanh bất động sản, đầu tư, xây dựng, môi trường và các pháp luật có liên quan.

4.3. Xây dựng hoàn thành kỹ thuật của dự án trên phần diện tích đất được giao theo đúng thiết kế đã được phê duyệt, sau khi xây dựng xong, bàn giao toàn bộ các hạng mục đã xác định tại Quyết định chấp thuận đầu tư dự án cho UBND thành phố Bắc Giang quản lý.

4.4. Chỉ được chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các lô đất ở khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng; Cục Thuế tỉnh; Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang; Chủ tịch UBND xã Tân Tiến; Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang; Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long;
- Phòng QLDD - Sở TNMT (lưu HS);
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TKCT;
 - + Các CV: ĐT, KT, TN;
- Lưu: VT, TNSN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

STT	 Tên phân khu	Tổng diện tích đất phân khu (m2)	Diện tích giao đợt 1 (m2)					Diện tích chưa giao (m2)
			Tổng	Giao nhà đầu tư hoàn thiện dự án	Giao đất ở để thanh toán cho Nhà đầu tư			
					Diện tích	Tổng số lô	Lô số	
1		3	4=5+6	5	6	7	8	9
I	Đất xây mới	142.647,0	126.762,2	100.371,4	26.390,8	204		15.884,8
1	Đất nhà liền kề	83.967,0	76.660,3	52.967,9	23.692,4	196		7.306,7
1.1	A-LK-50	1.289,0	1.114,0	1.114,0	-			175,0
1.2	A-LK-51	1.553,0	1.397,7	1.397,7	-	-		155,3
1.3	A-LK-52	3.636,0	2.877,1	2.010,9	866,2	6	1, 2, 3, 12, 13, 14	758,9
1.4	A-LK-56	5.122,0	4.452,3	4.452,3	-			669,7
1.5	A-LK-60	2.386,0	2.170,9	2.170,9	-			215,1
1.6	A-LK-61	2.978,0	2.558,7	2.558,7	-			419,3
1.7	A-LK-62	5.255,0	4.868,4	2.251,7	2.616,7	22	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22	386,6
1.8	A-LK-64	4.837,0	4.381,3	1.633,4	2.747,9	26	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 50, 51, 52, 53	455,7
1.9	A-LK-71							



		6.181,0	5.737,2	5.737,2				443,8
1.10	A-LK-72	6.177,0	5.793,8	3.597,3	2.196,5	17	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17	383,2
1.11	A-LK-73	2.195,0	1.990,3	1.449,6	540,7	4	1, 2, 3, 4	204,7
1.12	B-LK-26	5.340,0	5.340,0	1.696,9	3.643,1	29	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46	-
1.13	B-LK-27	3.539,0	3.539,0	-	3.539,0	30	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30	-
1.14	B-LK-31	5.380,0	5.041,8	5.041,8				338,2
1.15	B-LK-35	3.991,0	3.991,0	3.991,0				-
1.16	B-LK-36	5.811,0	3.941,6	3.941,6	-			1.869,4
1.17	B-LK-40	5.357,0	5.357,0	-	5.357,0	46	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46	-
1.18	B-LK-43	2.701,0	1.874,2	1.874,2	-			826,8
1.19	B-LK-44	4.379,0	4.379,0	2.193,7	2.185,3	16	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16	-

1.20	B-LK-47	5.860,0	5.855,0	5.855,0						5,0
2	Đất nhà biệt thự	29.025,0	24.233,1	21.534,7	2.698,4	08				4.791,9
2.1	A-BT-1	1.006,0	771,7	771,7	-					234,3
2.2	A-BT-2	1.614,0	1.579,8	1.579,8						34,2
2.3	A-BT-3	7.286,0	5.833,3	5.833,3						1.452,7
2.4	A-BT-4	3.368,0	1.793,8	1.793,8	-					1.574,2
2.5	A-BT-5	5.968,0	5.252,8	3.028,4	2.224,4	7			1, 2, 15, 16, 17, 18, 19	715,2
2.6	A-BT-6	2.190,0	2.190,0	1.716,0	474,0	1			1	-
2.7	B-BT-1	3.495,0	2.713,7	2.713,7						781,3
2.8	B-BT-2	4.098,0	4.098,0	4.098,0						-
3	Đất ở Tái định cư	1.022,0	1.022,0	1.022,0	-					-
3.1	TĐC 1	495,0	495,0	495,0	-					-
3.2	TĐC 2	527,0	527,0	527,0	-					-
4	Đất nhà ở xã hội	28.633,0	24.846,8	24.846,8	-					3.786,2
4.1	B-OXH-1	7.476,0	5.237,7	5.237,7	-					2.238,3
4.2	B-OXH-2	12.070,0	10.707,6	10.707,6	-					1.362,4
4.3	B-OXH-3	6.990,0	6.804,5	6.804,5	-					185,5



4.4	B-OXH-4	2.097,0	2.097,0	2.097,0	-				-
II	Đất trường trung học	12.319,0	12.319,0	12.319,0	-				-
	B-TH-2	12.319,0	12.319,0	12.319,0	-				-
III	Đất nhà trẻ mẫu giáo	4.654,0	4.619,2	4.619,2	-				34,8
	A-NT-4	4.654,0	4.619,2	4.619,2	-				34,8
IV	Đất công cộng	23.740,0	21.025,3	21.025,3	-	-		-	2.714,7
I	B-CC-1	12.866,0	10.477,8	10.477,8	-				2.388,2
2	B-CC-2	10.874,0	10.547,5	10.547,5	-				326,5
V	Đất chợ	18.114,0	18.025,4	18.025,4	-				88,6
	A-CHO	18.114,0	18.025,4	18.025,4	-				88,6
VI	Đất cây xanh- mặt nước	51.911,0	47.606,6	47.606,6	-	-		-	4.304,4
1	A-CX-1	30.481,0	26.604,4	26.604,4	-				3.876,6
2	A-CX-2	15.741,0	15.370,5	15.370,5	-				370,5
3	A-CX-3	657,0	599,7	599,7	-				57,3
4	A-CX-4	109,0	109,0	109,0	-				-
5	A-CX-5	149,0	149,0	149,0	-				-
6	B-CX-6				-				-



7	B-CX-8	3.065,0	3.065,0	3.065,0	-	-	-	-	-
VII	Đất hạ tầng sau nhà	1.709,0	1.709,0	1.709,0	-	-	-	-	-
	HTSN	16.698,0	15.209,8	15.209,8	-	-	-	-	1.488,2
VIII	Đất trạm trung chuyển CTR	360,0	360,0	360,0	-	-	-	-	1.488,2
	B-GR-1	180,0	180,0	180,0	-	-	-	-	-
	B-GR-2	180,0	180,0	180,0	-	-	-	-	-
IX	Đất giao thông, bãi đỗ xe	166.274,0	142.547,5	142.547,5	-	-	-	-	23.726,5
1	BĐX - P	8.589,1	7.781,3	7.781,3	-	-	-	-	807,8
2	GT	157.684,9	134.766,2	134.766,2	-	-	-	-	22.918,7
	Tổng	436.717,0	388.475,0	362.084,2	26.390,8	204	-	-	48.242,0



Số: 530 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 31 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất (đợt 2) cho Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần – Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long để thực hiện dự án Khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; số 69/2019/NĐ-CP ngày 15/8/2019 quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Công văn số 11/TTg-NN ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa đất thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 481/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 về việc chấp thuận đầu tư Dự án: Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang; số 737/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất năm 2030 thành phố Bắc Giang; số 1053/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Bắc Giang;

Theo đề nghị của: Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần – Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long tại Đơn xin giao đất (đợt 2) ngày 15/4/2022; UBND thành phố Bắc Giang tại Tờ trình số 148/TTr-UBND ngày 26/4/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 268/TTr-TNMT ngày 20/05/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất:

1. Chuyển mục đích sử dụng (đợt 1) với diện tích 5.540,5m² (Năm nghìn năm trăm bốn mươi phẩy năm mét vuông) đất đã được UBND thành phố Bắc Giang thu hồi đất và giải phóng mặt bằng. Trong đó:

Loại đất	Diện tích các loại đất (m ²)		
	Tổng	Xã Tân Tiến	Dĩnh Kế
Đất chuyên trồng lúa (LUC)	1.822,2	224,0	1.598,2
Đất trồng cây hàng năm khác (BHK)	760,5	575,0	185,5
Đất trồng cây lâu năm (CLN)	446,7	0	446,7
Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	2.511,1	2.511,1	0
TỔNG	5.540,5	3.310,1	2.230,4

(Có bảng tổng hợp danh sách các thửa đất đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất kèm theo Tờ trình số 148/TTr-UBND ngày 26/4/2022 của UBND thành phố)

2. Giao toàn bộ diện tích 5.540,5m² (Năm nghìn năm trăm bốn mươi phẩy năm mét vuông) đất đã chuyển mục đích sử dụng đất tại mục 1 nêu trên cho Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long để thực hiện xây dựng Hạ tầng dự án Khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang.

- Trong đó:

+ Diện tích đất ở được xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tạo quỹ đất để thanh toán theo Quyết định của cấp có thẩm quyền (chỉ giao đất thanh toán sau khi xác định đáp ứng đủ các điều kiện thanh toán theo nguyên tắc ngang giá, tương đương theo quy định pháp luật): 338,2 m².

+ Diện tích giao đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết khu đô thị, sau khi hoàn thành bàn giao lại cho Nhà nước để quản lý: 5202,3m².

- Thời hạn giao đất: Theo thời gian hoạt động dự án được UBND tỉnh chấp thuận.

(Có bảng tổng hợp diện tích, cơ cấu các loại đất sau khi chuyển mục đích kèm theo)

3. Địa điểm: xã Tân Tiến và phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang.

(Vị trí, ranh giới khu đất được xác định bằng đường chỉ đỏ trên các tờ bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/500 kèm theo hồ sơ lưu trữ tại Sở TN&MT).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Thu phí, lệ phí; chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai chỉnh lý biến động, xử lý giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất đã thu hồi; chỉ xác nhận đủ điều kiện chuyển nhượng đối với các lô đất sau khi xác định đã đảm bảo đầy đủ các quy định của pháp luật (bao gồm cả nguyên tắc thanh toán ngang giá, tương đương hợp đồng BT).

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang và các cơ quan có liên quan xác định và hướng dẫn Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long thực hiện nghĩa vụ tài chính, thanh toán hợp đồng theo quy định của pháp luật.

3. UBND thành phố Bắc Giang: Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND xã Tân Tiến, UBND phường Đình Kê chỉnh lý hồ sơ địa chính; tổ chức bàn giao đất tại thực địa cho Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

4. Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long:

4.1. Thực hiện theo đúng Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (Hợp đồng BT) đã ký kết.

4.2. Phối hợp với UBND thành phố Bắc Giang và các cơ quan có liên quan nhận bàn giao đất trên thực địa; đưa đất vào sử dụng và sử dụng đất đúng ranh giới, mục đích được giao; thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai; chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai, kinh doanh bất động sản, đầu tư, xây dựng, môi trường và các pháp luật có liên quan.

4.3. Xây dựng hoàn thành kỹ thuật của dự án trên phần diện tích đất được giao theo đúng thiết kế và quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, sau khi xây dựng xong, bàn giao toàn bộ các hạng mục đã xác định tại các Quyết định chấp thuận đầu tư, giao đất thực hiện dự án dự án và văn bản khác của cấp có thẩm quyền cho UBND thành phố Bắc Giang quản lý.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng; Cục Thuế tỉnh; Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh; UBND thành phố Bắc Giang; UBND xã Tân Tiến, UBND Phường Đình Kê; Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long (*trả HS qua Trung tâm PV HCC tỉnh*);
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TKCT;
 - + ĐT, TN, XD, KTTH;
- Phòng QLDD - Sở TN&MT (lưu HS);
- Lưu: VT, TNSN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

TỔNG HỢP CƠ CẤU CMĐ VÀ GIAO ĐẤT(ĐỢT 2) ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN:
KHU SỐ 5, SỐ 9 THUỘC KHU ĐÔ THỊ PHÍA NAM THÀNH PHỐ BẮC GIANG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày/5/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên phân khu	Tổng diện tích đất phân khu (m2)	DT Giao đất để ĐTXD hạ tầng đợt 1 (m2)	DT Giao đất để ĐTXD hạ tầng đợt 2	Diện tích chưa giao (m2)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=3-4-5	6
I	Đất xây mới	142.647,00	126.762,20	1.886,10	13.998,70	
1	Đất nhà liền kề	83.967,00	76.660,30	338,20	6.968,50	
1.1	A-LK-50	1289,0	1.114,0		175,0	
1.2	A-LK-51	1553,0	1.397,7		155,3	
1.3	A-LK-52	3636,0	2.877,1		758,9	
1.4	A-LK-56	5122,0	4.452,3		669,7	
1.5	A-LK-60	2386,0	2.170,9		215,1	
1.6	A-LK-61	2978,0	2.558,7		419,3	
1.7	A-LK-62	5255,0	4.868,4		386,6	
1.8	A-LK-64	4837,0	4.381,3		455,7	
1.9	A-LK-71	6181,0	5.737,2		443,8	
1.10	A-LK-72	6177,0	5.793,8		383,2	
1.11	A-LK-73	2195,0	1.990,3		204,7	
1.12	B-LK-26	5340,0	5.340,0		0,0	
1.13	B-LK-27	3539,0	3.539,0		0,0	
1.14	B-LK-31	5380,0	5.041,8	338,2	0,0	
1.15	B-LK-35	3991,0	3.991,0		0,0	
1.16	B-LK-36	5811,0	3.941,6		1869,4	
1.17	B-LK-40	5357,0	5.357,0		0,0	

1.18	B-LK-43	2701,0	1.874,2		826,8	
1.19	B-LK-44	4379,0	4.379,0		0,0	
1.20	B-LK-47	5860,0	5.855,0		5,0	
2	Đất nhà biệt thự	29025,0	24.233,1	-	4791,9	
2.1	A-BT-1	1006,0	771,7		234,3	
2.2	A-BT-2	1614,0	1.579,8		34,2	
2.3	A-BT-3	7286,0	5.833,3		1452,7	
2.4	A-BT-4	3368,0	1.793,8		1574,2	
2.5	A-BT-5	5968,0	5.252,8		715,2	
2.6	A-BT-6	2190,0	2.190,0		0,0	
2.7	B-BT-1	3495,0	2.713,7		781,3	
2.8	B-BT-2	4098,0	4.098,0		0,0	
3	Đất ở Tái định cư	1022,0	1.022,0	-	0,0	
3.1	TĐC 1	495,0	495,0		0,0	
3.2	TĐC 2	527,0	527,0		0,0	
4	Đất nhà ở xã hội	28633,0	24.846,8	1.547,9	2238,3	
4.1	B-OXH-1	7476,0	5.237,7	-	2238,3	
4.2	B-OXH-2	12070,0	10.707,6	1.362,4	0,0	
4.3	B-OXH-3	6990,0	6.804,5	185,5	0,0	
4.4	B-OXH-4	2097,0	2.097,0		0,0	
II	Đất trường trung học	12319,0	12.319,0	-	0,0	
	B-TH-2	12319,0	12.319,0		0,0	
III	Đất nhà trẻ mẫu giáo	4654,0	4.619,2	-	34,8	

	A-NT-4	4654,0	4.619,2		34,8	
IV	Đất công cộng	23740,0	21.025,3	-	2714,7	
1	B-CC-1	12866,0	10.477,8	-	2388,2	
2	B-CC-2	10874,0	10.547,5		326,5	
V	Đất chợ	18114,0	18.025,4	-	88,6	
	A-CHO	18114,0	18.025,4		88,6	
VI	Đất cây xanh- mặt nước	51911,0	47.606,6	-	4304,4	
1	A-CX-1	30481,0	26.604,4		3876,6	
2	A-CX-2	15741,0	15.370,5		370,5	
3	A-CX-3	657,0	599,7		57,3	
4	A-CX-4	109,0	109,0		0,0	
5	A-CX-5	149,0	149,0		0,0	
6	B-CX-6	3065,0	3.065,0		0,0	
7	B-CX-8	1709,0	1.709,0		0,0	
VII	Đất hạ tầng sau nhà	16698,0	15.209,8	300,6	1187,6	
	HTSN	16698,0	15.209,8	300,6	1187,6	
VIII	Đất trạm trung chuyển CTR	360,0	360,0	-	0,0	
	B-GR-1	180,0	180,0	-	0,0	
	B-GR-2	180,0	180,0	-	0,0	
IX	Đất giao thông, bãi đỗ xe	166274,0	142.547,5	3.353,8	20372,7	
1	BĐX - P	8589,1	7.781,3	21 89,5	718,3	
2	GT	157684,9	134.766,2	3.264,3	19654,4	
Tổng		436.717,0	388.475,0	5.540,5	42701,5	

Số: 753 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 28 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất (đợt 2) cho Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần – Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long để thực hiện dự án Khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; số 69/2019/NĐ-CP ngày 15/8/2019 quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 481/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 về việc chấp thuận đầu tư Dự án: Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang; số 737/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất năm 2030 thành phố Bắc Giang; số 1053/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Bắc Giang;

Theo đề nghị của: Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần – Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long tại Đơn xin giao đất (đợt 2) ngày 15/4/2022; UBND thành phố Bắc Giang tại Tờ trình số 148/TTr-UBND ngày 26/4/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 417/TTr-TNMT ngày 21/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất:

1. Chuyển mục đích sử dụng (đợt 3) 30.657,4m² (Ba mươi nghìn, sáu trăm năm mươi bảy phẩy tư mét vuông) đất đã được UBND thành phố thu hồi và tại các Quyết định: Số 1707/QĐ-UBND ngày 29/11/2019; số 121/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 và điều chỉnh thu hồi đất tại Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 22/6/2021, trong đó:

- Đất trồng cây hàng năm khác (BHK): 28.453,9m²;
- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 2.203,5m²

(UBND thành phố Bắc Giang chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng quy định của pháp luật về việc thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB; Có bảng tổng hợp danh sách các thửa đất chuyển mục đích sử dụng đất kèm theo Tờ trình số 250/TTr-UBND ngày 22/6/2022 của UBND thành phố)

2. Giao toàn bộ diện tích 30.657,4m² đất đã chuyển mục đích sử dụng tại mục 1 cho Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty cơ khí xây dựng Thăng Long để xây dựng Hạ tầng kỹ thuật dự án Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang, cụ thể như sau:

- Diện tích đất ở để xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tạo quỹ đất để thanh toán theo Quyết định của cấp có thẩm quyền (UBND tỉnh chỉ giao đất thanh toán sau khi xác định đáp ứng đủ các điều kiện thanh toán theo nguyên tắc ngang giá, tương đương theo quy định pháp luật): 10.291,2m².

- Diện tích giao đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết khu đô thị, sau khi hoàn thành bàn giao lại cho Nhà nước để quản lý: 20.366,2m².

- Thời hạn giao đất: Theo thời gian hoạt động dự án được UBND tỉnh chấp thuận.

(Có bảng tổng hợp diện tích, cơ cấu các loại đất sau khi chuyển mục đích kèm theo).

3. Giao UBND xã Tân Tiến quản lý 41,8m² đất nằm ngoài chỉ giới thực hiện dự án đã được UBND thành phố thu hồi đất và bồi thường giải phóng mặt bằng (không chuyển mục đích sử dụng đất).

4. Địa điểm: xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

(Vị trí, ranh giới khu đất được xác định bằng đường chỉ đỏ trên các tờ bản đồ trích đo địa chính khu đất tỷ lệ 1/500 kèm theo hồ sơ lưu tại Sở TN&MT).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Thu phí, lệ phí; chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai chỉnh lý biến động, xử lý giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất đã thu hồi; chỉ xác nhận đủ điều kiện chuyển nhượng đối với các lô đất sau khi xác định đã đảm bảo đầy đủ các quy định của pháp luật (bao gồm cả nguyên tắc thanh toán ngang giá, tương đương hợp đồng BT).

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang và các cơ quan có liên quan xác định và hướng dẫn Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long thực hiện nghĩa vụ tài chính, thanh toán hợp đồng theo quy định của pháp luật.

3. Cục Thuế tỉnh: Đơn đốc Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long nộp đầy đủ khoản tiền M3 được xác định theo quy định của pháp luật và các nghĩa vụ tài chính khác mà công ty phải thực hiện đối với toàn bộ diện tích đất đã giao theo các đợt.

4. UBND thành phố Bắc Giang: Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND xã Tân Tiến chỉnh lý hồ sơ địa chính, thiết lập hồ sơ quản lý chặt chẽ diện tích đất giao quản lý tại Điều 1, không để xảy ra lấn chiếm tự ý chuyển mục đích sử dụng đất; tổ chức bàn giao đất tại thực địa cho Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

5. Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long:

5.1. Thực hiện theo đúng Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (Hợp đồng BT) đã ký kết.

5.2. Phối hợp với UBND thành phố Bắc Giang và các cơ quan có liên quan nhận bàn giao đất trên thực địa; đưa đất vào sử dụng và sử dụng đất đúng ranh giới, mục đích được giao; thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (bao gồm cả việc nộp khoản tiền M3 theo quy định cho toàn bộ diện tích đất đã được giao theo các đợt); chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai, kinh doanh bất động sản, đầu tư, xây dựng, môi trường và các pháp luật có liên quan.

5.3. Xây dựng hoàn thành kỹ thuật của dự án trên phần diện tích đất được giao theo đúng thiết kế và quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, sau khi xây dựng xong, bàn giao toàn bộ các hạng mục đã xác định tại các Quyết định chấp thuận đầu tư, giao đất thực hiện dự án và văn bản khác của cấp có thẩm quyền cho UBND thành phố Bắc Giang quản lý.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng; Cục Thuế tỉnh; Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh; UBND thành phố Bắc Giang; UBND xã Tân Tiến; Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long (trả HS qua Trung tâm PV HCC tỉnh);
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TKCT;
 - + ĐT, TN, XD, KTTH;
- Phòng QLĐĐ - Sở TN&MT (lưu HS);
- Lưu: VT, TN&SN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

TỔNG HỢP CƠ CẤU CMĐ VÀ GIAO ĐẤT(ĐỢT 3) ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN:
KHU SỐ 5, SỐ 9 THUỘC KHU ĐÔ THỊ PHÍA NAM THÀNH PHỐ BẮC GIANG
(Kèm theo Quyết định số 353 /QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên phân khu	Tổng diện tích đất phân khu (m ²)	Diện tích giao đợt 1 (m ²)	Diện tích giao đợt 2 (m ²)	Diện tích giao đợt 3 (m ²)	Diện tích chưa giao (m ²)	Ghi chú
I	Đất ở xây mới	142.647,00	126.762,20	1.886,10	12.529,50	1.469,20	
1	Đất nhà liền kề	83.967,00	76.660,30	338,20	6.304,50	664,00	Đất ở chia lô
1.1	A-LK-50	1289,0	1.114,0		175,0	0,0	Đất ở chia lô
1.2	A-LK-51	1553,0	1.397,7		88,0	67,3	Đất ở chia lô
1.3	A-LK-52	3636,0	2.877,1		758,9	0,0	Đất ở chia lô
1.4	A-LK-56	5122,0	4.452,3		669,7	0,0	Đất ở chia lô
1.5	A-LK-60	2386,0	2.170,9		215,1	0,0	Đất ở chia lô
1.6	A-LK-61	2978,0	2.558,7		419,3	0,0	Đất ở chia lô
1.7	A-LK-62	5255,0	4.868,4		161,5	225,1	Đất ở chia lô
1.8	A-LK-64	4837,0	4.381,3		334,8	120,9	Đất ở chia lô
1.9	A-LK-71	6181,0	5.737,2		290,9	152,9	Đất ở chia lô



1.10	A-LK-72	6177,0	5.793,8		285,4	97,8	Đất ở chia lô
1.11	A-LK-73	2195,0	1.990,3		204,7	0,0	Đất ở chia lô
1.12	B-LK-26	5340,0	5.340,0		-	0,0	Đất ở chia lô
1.13	B-LK-27	3539,0	3.539,0		-	0,0	Đất ở chia lô
1.14	B-LK-31	5380,0	5.041,8	338,2	-	0,0	Đất ở chia lô
1.15	B-LK-35	3991,0	3.991,0		-	0,0	Đất ở chia lô
1.16	B-LK-36	5811,0	3.941,6		1.869,4	0,0	Đất ở chia lô
1.17	B-LK-40	5357,0	5.357,0		-	0,0	Đất ở chia lô
1.18	B-LK-43	2701,0	1.874,2		826,8	0,0	Đất ở chia lô
1.19	B-LK-44	4379,0	4.379,0		-	0,0	Đất ở chia lô
1.20	B-LK-47	5860,0	5.855,0		5,0	0,0	Đất ở chia lô
2	Đất nhà biệt thự	29025,0	24.233,1	-	3.986,7	805,2	
2.1	A-BT-1	1006,0	771,7		234,3	0,0	Đất ở biệt thự
2.2	A-BT-2	1614,0	1.579,8		10,3	23,9	Đất ở biệt thự
2.3	A-BT-3	7286,0	5.833,3		1.452,7	0,0	Đất ở biệt thự
2.4	A-BT-4	3368,0	1.793,8			0,0	Đất ở biệt thự



2.5	A-BT-5	5968,0	5.252,8		1.574,2	0,0	Đất ở biệt thự
2.6	A-BT-6	2190,0	2.190,0		715,2	0,0	Đất ở biệt thự
2.7	B-BT-1	3495,0	2.713,7		-	781,3	Đất ở biệt thự
2.8	B-BT-2	4098,0	4.098,0		-	0,0	Đất ở biệt thự
3	Đất ở Tái định cư	1022,0	1.022,0	-	-	0,0	
3.1	TĐC 1	495,0	495,0		-	0,0	
3.2	TĐC 2	527,0	527,0		-	0,0	
4	Đất nhà ở xã hội	28633,0	24.846,8	1.547,9	2.238,3	0,0	
4.1	B-OXH-1	7476,0	5.237,7	-	2.238,3	0,0	
4.2	B-OXH-2	12070,0	10.707,6	1.362,4	-	0,0	
4.3	B-OXH-3	6990,0	6.804,5	185,5	-	0,0	
4.4	B-OXH-4	2097,0	2.097,0		-	0,0	
II	Đất trường trung học	12319,0	12.319,0	-	-	0,0	
	B-TH-2	12319,0	12.319,0		-	0,0	
III	Đất nhà trẻ mẫu giáo	4654,0	4.619,2	-	34,8	0,0	

	A-NT-4	4654,0	4.619,2		34,8	0,0	
IV	Đất công cộng	23740,0	21.025,3	-	2.614,3	100,4	
1	B-CC-1	12866,0	10.477,8	-	2.340,9	47,3	
2	B-CC-2	10874,0	10.547,5		273,4	53,1	
V	Đất chợ	18114,0	18.025,4	-	-	88,6	
	A-CHO	18114,0	18.025,4		-	88,6	
VI	Đất cây xanh- mặt nước	51911,0	47.606,6	-	2.462,4	1842,0	
1	A-CX-1	30481,0	26.604,4		2.034,6	1842,0	
2	A-CX-2	15741,0	15.370,5		370,5	0,0	
3	A-CX-3	657,0	599,7		57,3	0,0	
4	A-CX-4	109,0	109,0		-	0,0	
5	A-CX-5	149,0	149,0		-	0,0	
6	B-CX-6	3065,0	3.065,0		-	0,0	
7	B-CX-8	1709,0	1.709,0		-	0,0	
VII	Đất hạ tầng sau nhà	16698,0	15.209,8	300,6	999,8	187,8	
	HTSN	16698,0	15.209,8			187,8	



						300,6	999,8		
VIII	Đất trạm trung chuyển	CTR	360,0	360,0	360,0	-	-	0,0	
	B-GR-1		180,0	180,0	180,0	-	-	0,0	
	B-GR-2		180,0	180,0	180,0	-	-	0,0	
IX	Đất giao thông, bãi đỗ xe		166274,0	142.547,5	142.547,5	3.353,8	12.016,6	8356,1	
1	BĐX - P		8589,1	7.781,3	7.781,3	89,5	165,4	552,9	
2	GT		157684,9	134.766,2	134.766,2	3.264,3	11.851,2	7803,2	
	Tổng		436.717,0	388.475,0	388.475,0	5.540,5	30.657,4	12.044,1	

Số: 1213 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 02 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất (đợt 4) để thực hiện dự án Khu số 5, số 9 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang và giao đất ở để thanh toán (đợt 2) theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao BT cho Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần – Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; số 69/2019/NĐ-CP ngày 15/8/2019 quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thu đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Công văn số 11/TTg-NN ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa đất thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 481/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 về việc chấp thuận đầu tư Dự án: Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang; số 737/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất năm 2030 thành phố Bắc Giang; số 484/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Bắc Giang;

Theo đề nghị của: Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long tại Đơn xin giao đất (đợt 4) ngày 04/11/2022 và Công văn số 266/CV-379-MECO ngày 14/11/2022 về việc cho phép giao đất ở để thanh toán (đợt 2) theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT); UBND thành phố Bắc Giang tại Tờ trình số 436/TTr-UBND ngày 16/11/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 785/TTr-TNMT ngày 18/11/2022

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất:

1. Thu hồi diện tích 1.604,7m² (Một nghìn sáu trăm linh tư phẩy bảy mét vuông) do UBND xã Dĩnh Kế (31,5m²), UBND xã Tân Tiến (1.573,2m²) được UBND tỉnh giao quản lý tại các Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 và số 162/QĐ-UBND ngày 29/3/2017;

2. Chuyển mục đích sử dụng (đợt 4) với diện tích **2.974,4m²** (Hai nghìn, chín trăm bảy mươi tư phẩy bốn mét vuông) đất, trong đó: 1.604,7m² đã thu hồi tại mục 1; 1.369,7m² đất đã được UBND thành phố Bắc Giang thu hồi đất và giải phóng mặt bằng, trong đó:

Loại đất	Diện tích các loại đất (m ²)		
	Tổng	Xã Tân Tiến	Phường Dĩnh Kế
- Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	2.891,2	2.891,2	
- Đất trồng lúa nước còn lại (LUK):	83,2	51,7	31,5
TỔNG	2.974,4	2.942,9	31,5

(UBND thành phố Bắc Giang chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng quy định của pháp luật về việc thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB; Có bảng tổng hợp danh sách các thửa đất đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất kèm theo Tờ trình số 436/TTr-UBND ngày 16/11/2022 của UBND thành phố)

3. Giao toàn bộ diện tích 2.974,4m² đất đã chuyển mục đích sử dụng tại Mục 2 cho Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty cơ khí xây dựng Thăng Long để xây dựng Hạ tầng kỹ thuật dự án Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang, cụ thể như sau:

3.1. Diện tích đất ở để xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tạo quỹ đất để thanh toán theo Quyết định của cấp có thẩm quyền (chỉ giao đất thanh toán sau khi xác định đáp ứng đủ các điều kiện thanh toán theo nguyên tắc ngang giá, tương đương theo quy định pháp luật): 443,8m².

3.2. Diện tích giao đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết được duyệt, sau khi hoàn thành bàn giao lại cho Nhà nước để quản lý: 2.530,6m².

3.3. Thời hạn giao đất: Theo thời gian hoạt động dự án được UBND tỉnh chấp thuận.

(Có Biểu tổng hợp cơ cấu các loại đất, diện tích chuyển mục đích và giao đất kèm theo)

4. Giao đất ở để thanh toán (đợt 2) Dự án xây dựng đường tỉnh 289 kéo dài (đoạn từ thị trấn Chũ đi Đồng Đình, nối QL31 với ĐT293); đường Nguyễn Thị Minh Khai kéo dài; hệ thống tiêu thoát nước và giao thông khu A, B thuộc khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang cho Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty cơ khí xây dựng Thăng Long theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) là: 17.731,6m² *(Mười bảy nghìn bảy trăm ba mươi một phẩy sáu mét vuông)*

(Có Biểu tổng hợp diện tích, lô đất để giao đất ở thanh toán kèm theo).

5. Giao UBND xã Tân Tiến diện tích 25,1m² đất nằm ngoài chỉ giới thực hiện dự án đã được UBND thành phố thu hồi đất và bồi thường giải phóng mặt bằng (không chuyển mục đích sử dụng đất) để quản lý theo quy hoạch và pháp luật đất đai.

6. Địa điểm: xã Tân Tiến, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang.

(Vị trí, ranh giới khu đất được xác định trên các tờ bản đồ trích đo địa chính khu đất tỷ lệ 1/500 kèm theo được lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Thu phí, lệ phí; chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai chỉnh lý biên động, xử lý giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất đã thu hồi; chủ trì xây dựng phương án giá đất và xác nhận đủ điều kiện chuyển nhượng đối với các lô đất đã giao đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang và các cơ quan có liên quan xác định và hướng dẫn Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long thực hiện nghĩa vụ tài chính, thanh toán hợp đồng theo quy định của pháp luật.

3. UBND thành phố Bắc Giang: Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND xã Tân Tiến, UBND phường Dĩnh Kế tổ chức bàn giao đất tại thực địa cho Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký Quyết định này; chỉnh lý hồ sơ địa chính; thiết lập hồ sơ, quản lý chặt chẽ phần diện tích đất được giao tại khoản 5, Điều 1 nêu trên.

4. Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long:

4.1. Thực hiện theo đúng Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (Hợp đồng BT) đã ký kết.

4.2. Phối hợp với UBND thành phố Bắc Giang và các cơ quan có liên quan nhận bàn giao đất trên thực địa; đưa đất vào sử dụng và sử dụng đất đúng ranh giới, mục đích được giao; thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai; chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai, kinh doanh bất động sản, đầu tư, xây dựng, môi trường và các pháp luật có liên quan.

4.3. Xây dựng hoàn thành hạ tầng kỹ thuật của dự án trên phần diện tích đất được giao theo đúng thiết kế đã được phê duyệt, sau khi xây dựng xong, bàn giao toàn bộ các hạng mục đã xác định tại Quyết định chấp thuận đầu tư dự án cho UBND thành phố Bắc Giang quản lý.

4.4. Chỉ được chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các lô đất ở khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính và được xác nhận đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng; Cục Thuế tỉnh; Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh; UBND thành phố Bắc Giang; UBND xã Tân Tiến; Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long (trả hồ sơ qua TTPV Hành chính công);
- Sở Tài nguyên và MT (lưu HS);
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TCKT, XD, TN, GT;
- Lưu: VT, TN_{SN}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

**BIỂU 01: TỔNG HỢP CƠ CẤU CMBĐ VÀ GIAO ĐẤT(ĐỢT 4) ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN:
KHU SỐ 5, SÔ 9 THUỘC KHU ĐÔ THỊ PHÍA NAM THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

(Kèm theo Quyết định số 1213 /QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên phân khu	Tổng diện tích đất phân khu (m2)	Diện tích đất đã giao (m2)	Diện tích giao đất (đợt 4)	Diện tích đất chưa giao	Ghi chú
I	Đất xây mới	142.647,00	141.177,80	443,80		
1	Đất nhà liền kề	83.967,00	83.303,00	443,80		Đất ở chia lô
1.1	A-LK-50	1289,0	1.289,00	-		Đất ở chia lô
1.2	A-LK-51	1553,0	1.485,70	-		Đất ở chia lô
1.3	A-LK-52	3636,0	3.636,00	-		Đất ở chia lô
1.4	A-LK-56	5122,0	5.122,00	-	0,0	Đất ở chia lô
1.5	A-LK-60	2386,0	2.386,00	-	-	Đất ở chia lô
1.6	A-LK-61	2978,0	2.978,00	-	-	Đất ở chia lô
1.7	A-LK-62	5255,0	5.029,90	225,1	0,0	Đất ở chia lô
1.8	A-LK-64	4837,0	4.716,10	120,9	-	Đất ở chia lô
1.9	A-LK-71	6181,0	6.028,10	-	152,9	Đất ở chia lô
1.10	A-LK-72	6177,0	6.079,20	97,8	0,0	Đất ở chia lô

1.11	A-LK-73	2195,0	2.195,00	-	-	Đất ở chia lô
1.12	B-LK-26	5340,0	5.340,00	-	-	Đất ở chia lô
1.13	B-LK-27	3539,0	3.539,00	-	-	Đất ở chia lô
1.14	B-LK-31	5380,0	5.380,00	-	-	Đất ở chia lô
1.15	B-LK-35	3991,0	3.991,00	-	-	Đất ở chia lô
1.16	B-LK-36	5811,0	5.811,00	-	-	Đất ở chia lô
1.17	B-LK-40	5357,0	5.357,00	-	-	Đất ở chia lô
1.18	B-LK-43	2701,0	2.701,00	-	-	Đất ở chia lô
1.19	B-LK-44	4379,0	4.379,00	-	-	Đất ở chia lô
1.20	B-LK-47	5860,0	5.860,00	-	-	Đất ở chia lô
2	Đất nhà biệt thự	29025,0	28.219,80	-	805,2	
2.1	A-BT-1	1006,0	1.006,00	-	-	Đất ở biệt thự
2.2	A-BT-2	1614,0	1.590,10	-	23,9	Đất ở biệt thự
2.3	A-BT-3	7286,0	7.286,00	-	-	Đất ở biệt thự
2.4	A-BT-4	3368,0	3.368,00	-	-	Đất ở biệt thự
2.5	A-BT-5	5968,0	5.968,00	-	-	Đất ở biệt thự

2.6	A-BT-6	2190,0	2.190,00	-	-	Đất ở biệt thự
2.7	B-BT-1	3495,0	2.713,70	-	781,3	Đất ở biệt thự
2.8	B-BT-2	4098,0	4.098,00	-	-	Đất ở biệt thự
3	Đất ở Tái định cư	1022,0	1.022,00	-	-	
3.1	TĐC 1	495,0	495,00	-	-	
3.2	TĐC 2	527,0	527,00	-	-	
4	Đất nhà ở xã hội	28633,0	28.633,00	-	-	
4.1	B-OXH-1	7476,0	7.476,00	-	-	
4.2	B-OXH-2	12070,0	12.070,00	-	-	
4.3	B-OXH-3	6990,0	6.990,00	-	-	
4.4	B-OXH-4	2097,0	2.097,00	-	-	
II	Đất trường trung học	12319,0	12.319,00	-	-	
	B-TH-2	12319,0	12.319,00	-	-	
III	Đất nhà trẻ mẫu giáo	4654,0	4.654,00	-	-	
	A-NT-4	4654,0	4.654,00	-	-	
IV	Đất công cộng	23740,0	23.639,60	100,4	0,0	

1	B-CC-1	12866,0	12.818,70	47,3	0,0	
2	B-CC-2	10874,0	10.820,90	53,1	0,0	
V	Đất chợ	18114,0	18.025,40	88,6	-	
	A-CHO	18114,0	18.025,40	88,6	-	
VI	Đất cây xanh- mặt nước	51911,0	50.069,00	1.499,7	342,3	
1	A-CX-1	30481,0	28.639,00	1.499,7	342,3	
2	A-CX-2	15741,0	15.741,00	-	-	
3	A-CX-3	657,0	657,00	-	-	
4	A-CX-4	109,0	109,00	-	-	
5	A-CX-5	149,0	149,00	-	-	
6	B-CX-6	3065,0	3.065,00	-	-	
7	B-CX-8	1709,0	1.709,00	-	-	
VII	Đất hạ tầng sau nhà	16698,0	16.510,20	187,8	-	
	HTSN	16698,0	16.510,20	187,8	-	
VIII	Đất trạm trung chuyển CTR	360,0	360,00	-	-	
	B-GR-1	180,0	180,00	-	-	

	B-GR-2	180,0	180,00	-	-	
IX	Đất giao thông, bãi đỗ xe	166274,0	157.917,90	654,1	7.702,0	
1	BĐX - P	8589,1	8.036,20	538,3	14,6	
2	GT	157684,9	149.881,70	115,8	7.687,4	
Tổng		436.717,0	424.672,90	2.974,4	9.069,7	

**BIỂU 02: THỐNG KÊ CHI TIẾT SỐ LÔ, DIỆN TÍCH GIAO ĐẤT Ở ĐỂ
THANH TOÁN (ĐỢT 2) THEO HÌNH THỨC HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG -
CHUYỂN GIAO**

(Kèm theo Quyết định số 1213 /QĐ-UBND ngày 02 /12/2022 của UBND tỉnh)

STT	Phân lô	Số lô	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1	A-LK-50	1	150,4	
2	A-LK-50	8	245,1	
3	A-LK-51	5	181,8	
4	A-LK-51	6	130,6	
5	A-LK-51	7	161,9	
6	A-LK-51	8	124,7	
7	A-LK-51	10	134,5	
8	A-LK-51	11	106,4	
9	A-LK-52	4	119,0	
10	A-LK-52	5	119,0	
11	A-LK-52	6	119,0	
12	A-LK-52	7	119,0	
13	A-LK-52	8	119,0	
14	A-LK-52	9	119,0	
15	A-LK-52	10	119,0	
16	A-LK-52	11	119,0	
17	A-LK-56	31	77,5	
18	A-LK-56	32	104,9	
19	A-LK-56	33	151,4	
20	A-LK-56	34	108,5	
21	A-LK-56	35	108,5	
22	A-LK-56	36	108,5	
23	A-LK-56	37	108,5	
24	A-LK-56	38	108,5	
25	A-LK-56	39	108,5	
26	A-LK-56	43	108,5	
27	A-LK-56	44	108,5	

28	A-LK-56	45	108,5	
29	A-LK-56	46	108,5	
30	A-LK-56	47	108,5	
31	A-LK-56	48	108,5	
32	A-LK-56	49	108,5	
33	A-LK-56	50	108,5	
34	A-LK-56	51	108,5	
35	A-LK-56	52	108,5	
36	A-LK-56	53	108,5	
37	A-LK-56	54	108,5	
38	A-LK-56	55	131,5	
39	A-LK-61	19	148,5	
40	A-LK-61	20	108,5	
41	A-LK-61	21	108,5	
42	A-LK-61	22	108,5	
43	A-LK-61	23	108,5	
44	A-LK-61	24	108,5	
45	A-LK-61	27	108,5	
46	A-LK-61	28	108,5	
47	A-LK-61	29	108,5	
48	A-LK-61	30	108,5	
49	A-LK-61	31	147,0	
50	A-LK-62	23	149,8	
51	A-LK-62	42	76,1	
52	A-LK-62	43	76,1	
53	A-LK-62	44	76,1	
54	A-LK-62	45	76,1	
55	A-LK-62	46	76,1	
56	A-LK-64	26	75,0	
57	A-LK-64	27	75,0	
58	A-LK-64	28	75,0	
59	A-LK-64	29	75,0	
60	A-LK-64	30	75,0	

61	A-LK-64	31	75,0	
62	A-LK-64	32	75,0	
63	A-LK-64	33	75,0	
64	A-LK-64	34	75,0	
65	A-LK-64	35	75,0	
66	A-LK-64	38	75,0	
67	A-LK-72	18	126,0	
68	A-LK-72	19	126,0	
69	A-LK-72	20	126,0	
70	A-LK-72	21	126,0	
71	A-LK-72	22	126,0	
72	A-LK-72	23	259,9	
73	A-LK-73	5	126,0	
74	A-LK-73	6	126,0	
75	A-LK-73	7	126,0	
76	A-LK-73	8	176,8	
77	B-LK-26	21	209,9	
78	B-LK-26	22	93,0	
79	B-LK-26	23	93,0	
80	B-LK-35	1	145,2	
81	B-LK-35	2	85,0	
82	B-LK-35	3	85,0	
83	B-LK-35	4	85,0	
84	B-LK-35	5	85,0	
85	B-LK-35	6	85,0	
86	B-LK-35	7	85,0	
87	B-LK-35	8	85,0	
88	B-LK-35	9	85,0	
89	B-LK-35	10	85,0	
90	B-LK-35	11	85,0	
91	B-LK-35	12	85,0	
92	B-LK-35	13	85,0	
93	B-LK-35	14	85,0	

94	B-LK-35	15	85,0	
95	B-LK-35	16	85,0	
96	B-LK-35	17	85,0	
97	B-LK-35	18	85,0	
98	B-LK-35	19	172,0	
99	B-LK-35	20	100,0	
100	B-LK-36	2	140,0	
101	B-LK-36	3	140,0	
102	B-LK-36	4	140,0	
103	B-LK-36	6	140,0	
104	B-LK-36	7	140,0	
105	B-LK-36	10	140,0	
106	B-LK-36	11	140,0	
107	B-LK-36	12	140,0	
108	B-LK-36	13	140,0	
109	B-LK-36	16	140,0	
110	B-LK-36	17	140,0	
111	B-LK-36	18	140,0	
112	B-LK-36	19	140,0	
113	B-LK-36	20	192,9	
114	B-LK-43	1	136,2	
115	B-LK-43	2	85,0	
116	B-LK-43	3	85,0	
117	B-LK-43	4	85,0	
118	B-LK-43	5	85,0	
119	B-LK-43	6	85,0	
120	B-LK-43	7	85,0	
121	B-LK-43	8	85,0	
122	B-LK-43	9	85,0	
123	B-LK-43	10	85,0	
124	B-LK-43	11	85,0	
125	B-LK-43	12	85,0	
126	B-LK-43	13	85,0	

127	B-LK-43	14	171,5	
128	B-LK-44	35	85,0	
129	B-LK-44	36	85,0	
130	B-LK-44	37	85,0	
131	B-LK-44	38	85,0	
132	B-LK-44	39	85,0	
133	B-LK-44	40	85,0	
134	B-LK-47	1	207,8	
135	B-LK-47	2	140,0	
136	B-LK-47	3	140,0	
137	B-LK-47	4	140,0	
138	B-LK-47	5	140,0	
139	B-LK-47	6	140,0	
140	B-LK-47	7	171,8	
141	B-LK-47	8	125,0	
142	B-LK-47	28	128,9	
143	B-LK-47	29	128,9	
144	B-LK-47	31	128,9	
145	B-LK-47	32	128,9	
146	B-LK-47	33	128,9	
147	B-LK-47	39	128,9	
148	B-LK-47	40	128,9	
149	A-BT-3	1	432,1	
150	A-BT-3	2	406,6	
TỔNG			17.731,6	

Số: 1114 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 09 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất (đợt 5) để thực hiện dự án Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang và giao đất ở để thanh toán (đợt 3) theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) cho Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty cơ khí xây dựng Thăng Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về việc Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; số 69/2019/NĐ-CP ngày 15/8/2019 Quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao; số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về việc Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Công văn số 11/TTg-NN ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa đất thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 255/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Bắc Giang; số 377/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Bắc Giang; số 1317/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 về việc phê

duyet kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2023;

Theo đề nghị của: Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty cơ khí xây dựng Thăng Long tại Đơn xin giao đất (đợt 5) ngày 06/9/2023 và Công văn số 36/CV-379-MECO ngày 23/9/2023; UBND thành phố Bắc Giang tại Tờ trình số 275/TTr-UBND ngày 14/9/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 619/TTr-TNMT ngày 02/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất:

1. Chuyển mục đích sử dụng (đợt 5) diện tích 4.716,3m² (Bốn nghìn, bảy trăm mười sáu phẩy ba mét vuông) đất đã được UBND thành phố Bắc Giang thu hồi và giải phóng mặt bằng, trong đó:

Loại đất	Diện tích các loại đất (m ²)		
	Tổng cộng	Xã Tân Tiến	Phường Đình Kế
- Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	1.678,7	1.637,1	41,6
- Đất trồng cây lâu năm (CLN)	697,9	563,2	134,7
- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	1.340,9	247,2	1.093,7
- Đất trồng lúa còn lại (LUK)	263,7	-	263,7
- Đất ở đô thị (ODT)	43,0	-	43,0
- Đất ở nông thôn (ONT)	692,1	692,1	-
Tổng cộng	4.716,3	3.139,6	1.576,7

(Chi tiết danh sách các thửa đất chuyển mục đích sử dụng đất theo Tờ trình số 275/TTr-UBND ngày 14/9/2023 của UBND thành phố)

2. Giao toàn bộ diện tích 4.716,3m² đất đã chuyển mục đích sử dụng đất tại Khoản 1 Điều này cho Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty cơ khí xây dựng Thăng Long (sau đây viết tắt là Nhà đầu tư) để xây dựng hạ tầng kỹ thuật dự án Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang, cụ thể như sau:

a) Diện tích đất ở được xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tạo quỹ đất để thanh toán theo Quyết định của cấp có thẩm quyền (chỉ giao đất thanh toán sau khi xác định đáp ứng đủ các điều kiện thanh toán theo nguyên tắc ngang giá, tương đương theo quy định pháp luật): 1.025,4m².

b) Diện tích giao đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết khu đô thị sau khi hoàn thành bàn giao lại cho Nhà nước để quản lý: 3.690,9m².

c) Thời hạn giao đất: Theo thời gian hoạt động dự án được UBND tỉnh chấp thuận.

(Có bảng tổng hợp cơ cấu chuyển mục đích và giao đất kèm theo)

3. Giao đất ở để thanh toán (đợt 3) dự án xây dựng đường tỉnh 289 kéo dài (đoạn từ thị trấn Chũ đi Đũng Đình, nối QL31 với ĐT293); đường Nguyễn Thị Minh Khai kéo dài; hệ thống tiêu thoát nước và giao thông khu A, B thuộc Khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) cho Nhà đầu tư: 3.545,9m².

(Có bảng tổng hợp diện tích, lô đất để giao đất ở thanh toán kèm theo)

4. Địa điểm khu đất: Tại xã Tân Tiến, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

(Vị trí, ranh giới khu đất được xác định trên các tờ bản đồ trích đo địa chính khu đất tỷ lệ 1/500 kèm theo hồ sơ lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung nêu tại Điều 1 Quyết định này; thu phí, lệ phí; chủ trì xác định giá đất cụ thể; chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai chỉnh lý hồ sơ địa chính, xử lý các giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất đã thu hồi theo quy định của pháp luật; hướng dẫn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi Nhà đầu tư đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính và được xác định đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc tổ chức thực hiện các nội dung có liên quan đến việc tổ chức đấu thầu, chấp thuận đầu tư dự án thực hiện dự án và các nội dung khác có liên quan đến lĩnh vực đầu tư làm cơ sở để giao đất thực hiện dự án; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc Nhà đầu tư thực hiện dự án theo đúng tiến độ đã được chấp thuận.

3. Sở Xây dựng: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung liên quan đến việc thẩm định sự phù hợp của dự án với Kế hoạch phát triển nhà ở và các quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt làm cơ sở để chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất thực hiện dự án. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thi công xây dựng và đôn đốc Nhà đầu tư hoàn thành dự án, đưa vào khai thác, vận hành theo đúng tiến độ được giao và quy định pháp luật; xử lý nghiêm, kịp thời các vi phạm có liên quan đến hoạt động xây dựng và vận hành dự án (nếu có) theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang và các cơ quan có liên quan xác định và hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính, thanh toán hợp đồng theo quy định của pháp luật.

5. Cục Thuế tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, đôn đốc Nhà đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với phần diện tích được giao và nộp tiền M3 theo quy định của pháp luật.

6. UBND thành phố Bắc Giang: Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND xã Tân Tiến, UBND phường Dĩnh Kế tổ chức bàn giao đất tại thực địa cho Nhà đầu tư trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ký Quyết định này; chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định của pháp luật.

7. Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty cơ khí xây dựng Thăng Long (Nhà đầu tư):

a) Thực hiện theo đúng Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) đã ký kết; thực hiện đúng theo nội dung đã cam kết tại Công văn số 36/CV-379-MECO ngày 23/9/2023. Phối hợp với UBND thành phố Bắc Giang và các cơ quan có liên quan nhận bàn giao đất trên thực địa.

b) Khẩn trương đưa đất vào sử dụng đúng mục đích được giao, chỉ được thi công trên phần đất đã giải phóng mặt bằng và biện pháp thi công công trình không được làm ảnh hưởng đến diện tích đất liền kề và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung này; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về đất đai; chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, kinh doanh bất động sản và pháp luật khác có liên quan.

c) Xây dựng hoàn thành hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án trên phần diện tích đất được giao theo đúng thiết kế đã được phê duyệt; sau khi xây dựng xong, bàn giao toàn bộ đất và hạ tầng công trình công cộng, (xác định tại quyết định chấp thuận đầu tư dự án) cho UBND thành phố Bắc Giang quản lý, sử dụng đúng quy định.

d) Chỉ được phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau khi đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ tài chính và đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng; Cục Thuế tỉnh Bắc Giang; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang; UBND thành phố Bắc Giang; UBND xã Tân Tiến; UBND phường Dĩnh Kế; Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty cơ khí xây dựng Thăng Long và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Phòng QLĐĐ - Sở TN&MT (lưu hồ sơ).
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT);
 - + KTN, KTTH, TH;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, TN.Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

**BIỂU 01: TỔNG HỢP CƠ CẤU CMB VÀ GIAO ĐẤT (ĐỢT 5) ĐỂ THỰC HIỆN
DỰ ÁN: KHU SỐ 5, SỐ 9 THUỘC KHU ĐÔ THỊ PHÍA NAM, THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

STT	Tên phân khu	Tổng diện tích đất phân khu (m ²)	Diện tích đã giao (m ²)	Diện tích giao đợt 5 (m ²)	Diện tích chưa giao (m ²)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=(3-4-5)	7
I	Đất xây mới	142.647,0	141.621,6	1.025,4	-	
1	Đất nhà liền kề	83.967,0	83.746,8	220,2	-	
1.1	A-LK-50	1.289,0	1.289,0	-	-	
1.2	A-LK-51	1.553,0	1.485,7	67,3	-	
1.3	A-LK-52	3.636,0	3.636,0	-	-	
1.4	A-LK-56	5.122,0	5.122,0	-	-	
1.5	A-LK-60	2.386,0	2.386,0	-	-	
1.6	A-LK-61	2.978,0	2.978,0	-	-	
1.7	A-LK-62	5.255,0	5.255,0	-	-	
1.8	A-LK-64	4.837,0	4.837,0	-	-	
1.9	A-LK-71	6.181,0	6.028,1	152,9	-	
1.10	A-LK-72	6.177,0	6.177,0	-	-	
1.11	A-LK-73	2.195,0	2.195,0	-	-	
1.12	B-LK-26	5.340,0	5.340,0	-	-	
1.13	B-LK-27	3.539,0	3.539,0	-	-	
1.14	B-LK-31	5.380,0	5.380,0	-	-	
1.15	B-LK-35	3.991,0	3.991,0	-	-	
1.16	B-LK-36	5.811,0	5.811,0	-	-	
1.17	B-LK-40	5.357,0	5.357,0	-	-	
1.18	B-LK-43	2.701,0	2.701,0	-	-	
1.19	B-LK-44	4.379,0	4.379,0	-	-	
1.20	B-LK-47	5.860,0	5.860,0	-	-	
2	Đất nhà biệt thự	29.025,0	28.219,8	805,2	-	
2.1	A-BT-1	1.006,0	1.006,0	-	-	
2.2	A-BT-2	1.614,0	1.590,1	23,9	-	
2.3	A-BT-3	7.286,0	7.286,0	-	-	
2.4	A-BT-4	3.368,0	3.368,0	-	-	
2.5	A-BT-5	5.968,0	5.968,0	-	-	
2.6	A-BT-6	2.190,0	2.190,0	-	-	
2.7	B-BT-1	3.495,0	2.713,7	781,3	-	
2.8	B-BT-2	4.098,0	4.098,0		-	

STT	Tên phân khu	Tổng diện tích đất phân khu (m ²)	Diện tích đã giao (m ²)	Diện tích giao đợt 5 (m ²)	Diện tích chưa giao (m ²)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=(3-4-5)	7
3	Đất ở tái định cư	1.022,0	1.022,0	-	-	
3.1	TĐC 1	495,0	495,0	-	-	
3.2	TĐC 2	527,0	527,0	-	-	
4	Đất nhà ở xã hội	28.633,0	28.633,0	-	-	
4.1	B-OXH-1	7.476,0	7.476,0	-	-	
4.2	B-OXH-2	12.070,0	12.070,0	-	-	
4.3	B-OXH-3	6.990,0	6.990,0	-	-	
4.4	B-OXH-4	2.097,0	2.097,0	-	-	
II	Đất trường trung học	12.319,0	12.319,0	-	-	
	B-TH-2	12.319,0	12.319,0	-	-	
III	Đất nhà trẻ mẫu giáo	4.654,0	4.654,0	-	-	
	A-NT-4	4.654,0	4.654,0	-	-	
IV	Đất công cộng	23.740,0	23.740,0	-	-	
1	B-CC-1	12.866,0	12.866,0	-	-	
2	B-CC-2	10.874,0	10.874,0	-	-	
V	Đất chợ	18.114,0	18.114,0	-	-	
	A-CHO	18.114,0	18.114,0	-	-	
VI	Đất cây xanh-mặt nước	51.911,0	51.568,7	342,3	-	
1	A-CX-1	30.481,0	30.138,7	342,3	-	
2	A-CX-2	15.741,0	15.741,0	-	-	
3	A-CX-3	657,0	657,0	-	-	
4	A-CX-4	109,0	109,0	-	-	
5	A-CX-5	149,0	149,0	-	-	
6	B-CX-6	3.065,0	3.065,0	-	-	
7	B-CX-8	1.709,0	1.709,0	-	-	
VII	Đất hạ tầng sau nhà	16.698,0	16.698,0	-	-	
	HTSN	16.698,0	16.698,0	-	-	
VIII	Đất trạm trung chuyển CTR	360,0	360,0	-	-	
	B-GR-1	180,0	180,0	-	-	
	B-GR-2	180,0	180,0	-	-	

STT	Tên phân khu	Tổng diện tích đất phân khu (m ²)	Diện tích đã giao (m ²)	Diện tích giao đợt 5 (m ²)	Diện tích chưa giao (m ²)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=(3-4-5)	7
IX	Đất giao thông, bãi đỗ xe	166.074,7	158.572,0	3.348,6	4.154,1	
1	BĐX - P	8.589,1	8.574,5	14,6	-	
2	GT	157.485,6	149.997,5	3.334,0	4.154,1	
	Tổng cộng	436.517,7	427.647,3	4.716,3	4.154,1	

BIỂU 02: THỐNG KÊ CHI TIẾT SỐ LÔ, DIỆN TÍCH GIAO ĐẤT Ở ĐỂ THANH TOÁN (ĐỢT 3) THEO HÌNH THỨC HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG - CHUYỂN GIAO

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

STT	Phân lô	Lô số	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1	A-LK-51	1	182,1	
2	A-LK-51	2	140,0	
3	A-LK-51	3	140,0	
4	A-LK-51	4	140,0	
5	A-LK-51	9	111,0	
6	A-LK-64	40	75,0	
7	A-LK-64	41	75,0	
8	A-LK-64	42	75,0	
9	A-LK-64	43	75,0	
10	A-LK-64	44	75,3	
11	A-LK-64	45	75,6	
12	A-LK-64	46	75,6	
13	A-LK-64	47	75,6	
14	A-LK-64	48	75,6	
15	A-LK-64	49	75,6	
16	B-LK-36	9	140,0	
17	B-LK-44	33	85,0	
18	B-LK-44	34	85,0	
19	B-LK-47	22	125,0	
20	A-BT-3	4	406,6	
21	A-BT-3	5	406,6	
22	A-BT-3	7	406,6	
23	A-BT-3	18	424,7	
	Tổng cộng		3.545,9	

Số: 247 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 18 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất (đợt 6) cho Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Cơ khí xây dựng Thăng Long để thực hiện dự án “Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Công văn số 11/TTg-NN ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa đất thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh về việc thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang: số 481/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 về việc chấp thuận đầu tư dự án “Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang”; số 149/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 về quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư; số 40/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu

số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang (tỷ lệ 1/500); số 255/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Bắc Giang; số 167/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Bắc Giang;

Căn cứ Công văn số 283/UBND-KTN ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh ranh giới dự án Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang;

Theo đề nghị của: Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty cơ khí xây dựng Thăng Long tại Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất (đợt 6) ngày 16/01/2024 và hồ sơ kèm theo; UBND thành phố Bắc Giang tại Tờ trình số 67/TTr-UBND ngày 07/3/2024, Báo cáo số 93/BC-UBND ngày 07/3/2024; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 103/TTr-TNMT ngày 12/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất:

1. Chuyển mục đích sử dụng (đợt 6) diện tích **4.154,1 m²** (Bốn nghìn một trăm năm tư phẩy một mét vuông) đất UBND thành phố Bắc Giang đã thu hồi và thực hiện xong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Trong đó:

Loại đất	Diện tích các loại đất (m ²)		
	Tổng cộng	Xã Tân Tiến	Phường Đình Kế
- Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	293,1	293,1	-
- Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	1.021,1	957,8	63,3
- Đất giao thông (DGT)	2.553,9	497,9	2.056,0
- Đất thủy lợi (DTL)	178,2	178,2	-
- Đất cơ sở tôn giáo (TON)	107,8	107,8	-
Tổng cộng	4.154,1	2.034,8	2.119,3

(Danh sách chi tiết các thửa đất chuyển mục đích sử dụng đất theo Tờ trình số 67/TTr-UBND ngày 07/3/2024 của UBND thành phố Bắc Giang)

2. Giao đất không thu tiền sử dụng đất cho Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty cơ khí xây dựng Thăng Long (sau đây viết tắt là nhà đầu tư) toàn bộ diện tích **4.154,1 m²** đất đã chuyển mục đích sử dụng tại khoản 1 Điều này để xây dựng hạ tầng kỹ thuật dự án “Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang” (viết tắt là dự án) theo quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) được phê duyệt.

(Có bảng tổng hợp diện tích giao đất và cơ cấu các loại đất kèm theo)

Thời hạn giao đất: Theo thời gian hoạt động dự án được UBND tỉnh chấp thuận.

3. Địa điểm: Xã Tân Tiến và phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

(Vị trí, ranh giới khu đất được xác định trên tờ bản đồ địa chính, tỷ lệ 1/500 kèm theo hồ sơ lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường)

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, số liệu trong hồ sơ và kết quả báo cáo, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan; thu phí, lệ phí; chủ trì xác định giá đất cụ thể; chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai chỉnh lý hồ sơ địa chính, xử lý các giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất đã thu hồi theo pháp luật; thường xuyên tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc sử dụng đất của nhà đầu tư và xử lý các vi phạm (nếu có) trong lĩnh vực đất đai, bảo vệ môi trường liên quan đến dự án theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc tổ chức thực hiện các nội dung có liên quan đến tổ chức đấu thầu, chấp thuận đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án và các nội dung khác có liên quan đến lĩnh vực đầu tư làm cơ sở để chuyển mục đích, giao đất thực hiện dự án; thường xuyên tổ chức kiểm tra, đôn đốc nhà đầu tư thực hiện dự án theo đúng tiến độ đã được chấp thuận và xử lý nghiêm các vi phạm (nếu có) theo quy định.

3. Sở Xây dựng: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung liên quan đến việc thẩm định, trình phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng dự án (tỷ lệ 1/500), việc điều chỉnh ranh giới dự án làm cơ sở chuyển mục đích sử dụng, giao đất thực hiện dự án. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thi công xây dựng và đôn đốc nhà đầu tư hoàn thành dự án, đưa vào khai thác, vận hành theo đúng tiến độ được giao và quy định pháp luật; xử lý nghiêm, kịp thời các vi phạm có liên quan đến hoạt động xây dựng và vận hành dự án (nếu có) theo pháp luật.

4. UBND thành phố Bắc Giang: Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc xác định loại đất, nguồn gốc đất, diện tích đất, chủ sử dụng đất, việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng làm cơ sở chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất thực hiện dự án; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND xã Tân Tiến, UBND phường Dĩnh Kế chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định. Tổ chức giao đất thực địa cho nhà đầu tư trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định này; thường xuyên tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện dự án, đưa đất vào sử dụng của nhà đầu tư và xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định pháp luật.

5. Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty Cổ phần - Tổng công ty Cơ khí xây dựng Thăng Long:

a) Thực hiện theo đúng hợp đồng và các phụ lục hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) đã ký kết. Phối hợp với UBND thành phố Bắc Giang và các cơ quan có liên quan nhận bàn giao đất trên thực địa.

b) Khẩn trương đưa đất vào sử dụng đúng mục đích được giao, chỉ được thi công trên phần đất được giao và biện pháp thi công công trình không làm ảnh hưởng đến diện tích đất liền kề, tiếp giáp chưa bồi thường, giải phóng mặt bằng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung này; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về đất đai theo thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án.

c) Xây dựng hoàn thành hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án trên phần diện tích đất được giao theo đúng thiết kế đã được phê duyệt; sau khi xây dựng xong, bàn giao toàn bộ diện tích đất và hạ tầng công trình công cộng, (xác định tại quyết định chấp thuận đầu tư dự án) cho UBND thành phố Bắc Giang quản lý, đưa vào sử dụng đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang; Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang; Chủ tịch UBND xã Tân Tiến; Chủ tịch UBND phường Đình Ké; Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Cơ khí xây dựng Thăng Long và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Cơ khí xây dựng Thăng Long (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Phòng QLĐĐ - Sở TN&MT (lưu hồ sơ);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT);
- + KTN, KTTH, TH;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, TN.Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH GIAO ĐẤT VÀ CƠ CẤU CÁC LOẠI ĐẤT (ĐỢT 6)
DỰ ÁN: KHU SỐ 5, SỐ 9 THUỘC KHU ĐÔ THỊ PHÍA NAM, THÀNH PHỐ BẮC GIANG
(Kèm theo Quyết định số 247 /QĐ-UBND ngày 18 /3/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

STT	Tên phân khu	Diện tích đất theo quy hoạch chi tiết xây dựng (m ²)	Diện tích đất đã giao (m ²)	Diện tích đất giao đợt 6 (m ²)	Diện tích đất chưa giao (m ²)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)-[(4)+(5)]
I	Đất xây mới	142.647,00	142.647,0	-	0,0
1	Đất nhà liền kề	83.967,00	83.967,0	-	0,0
1.1	A-LK-50	1.289,0	1.289,0	-	0,0
1.2	A-LK-51	1.553,0	1.553,0	-	0,0
1.3	A-LK-52	3.636,0	3.636,0	-	0,0
1.4	A-LK-56	5.122,0	5.122,0	-	0,0
1.5	A-LK-60	2.386,0	2.386,0	-	0,0
1.6	A-LK-61	2.978,0	2.978,0	-	0,0
1.7	A-LK-62	5.255,0	5.255,0	-	0,0
1.8	A-LK-64	4.837,0	4.837,0	-	0,0
1.9	A-LK-71	6.181,0	6.181,0	-	0,0
1.10	A-LK-72	6.177,0	6.177,0	-	0,0
1.11	A-LK-73	2.195,0	2.195,0	-	0,0
1.12	B-LK-26	5.340,0	5.340,0	-	0,0
1.13	B-LK-27	3.539,0	3.539,0	-	0,0
1.14	B-LK-31	5.380,0	5.380,0	-	0,0
1.15	B-LK-35	3.991,0	3.991,0	-	0,0
1.16	B-LK-36	5.811,0	5.811,0	-	0,0
1.17	B-LK-40	5.357,0	5.357,0	-	0,0
1.18	B-LK-43	2.701,0	2.701,0	-	0,0
1.19	B-LK-44	4.379,0	4.379,0	-	0,0
1.20	B-LK-47	5.860,0	5.860,0	-	0,0
2	Đất nhà biệt thự	29.025,0	29.025,0	-	0,0
2.1	A-BT-1	1.006,0	1.006,0	-	0,0
2.2	A-BT-2	1.614,0	1.614,0	-	0,0
2.3	A-BT-3	7.286,0	7.286,0	-	0,0
2.4	A-BT-4	3.368,0	3.368,0	-	0,0

STT	Tên phân khu	Diện tích đất theo quy hoạch chi tiết xây dựng (m ²)	Diện tích đất đã giao (m ²)	Diện tích đất giao đợt 6 (m ²)	Diện tích đất chưa giao (m ²)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)-[(4)+(5)]
2.5	A-BT-5	5.968,0	5.968,0	-	0,0
2.6	A-BT-6	2.190,0	2.190,0	-	0,0
2.7	B-BT-1	3.495,0	3.495,0	-	0,0
2.8	B-BT-2	4.098,0	4.098,0	-	0,0
3	Đất ở tái định cư	1.022,0	1.022,0	-	0,0
3.1	TĐC 1	495,0	495,0	-	0,0
3.2	TĐC 2	527,0	527,0	-	0,0
4	Đất nhà ở xã hội	28.633,0	28.633,0	-	0,0
4.1	B-OXH-1	7.476,0	7.476,0	-	0,0
4.2	B-OXH-2	12.070,0	12.070,0	-	0,0
4.3	B-OXH-3	6.990,0	6.990,0	-	0,0
4.4	B-OXH-4	2.097,0	2.097,0	-	0,0
II	Đất trường trung học	12.319,0	12.319,0	-	0,0
	B-TH-2	12.319,0	12.319,0	-	0,0
III	Đất nhà trẻ mẫu giáo	4.654,0	4.654,0	-	0,0
	A-NT-4	4.654,0	4.654,0	-	0,0
IV	Đất công cộng	23.740,0	23.740,0	-	0,0
1	B-CC-1	12.866,0	12.866,0	-	0,0
2	B-CC-2	10.874,0	10.874,0	-	0,0
V	Đất chợ	18.114,0	18.114,0	-	0,0
	A-CHO	18.114,0	18.114,0	-	0,0
VI	Đất cây xanh- mặt nước	51.911,0	51.911,0	-	0,0
1	A-CX-1	30.481,0	30.481,0	-	0,0
2	A-CX-2	15.741,0	15.741,0	-	0,0
3	A-CX-3	657,0	657,0	-	0,0
4	A-CX-4	109,0	109,0	-	0,0
5	A-CX-5	149,0	149,0	-	0,0
6	B-CX-6	3.065,0	3.065,0	-	0,0
7	B-CX-8	1.709,0	1.709,0	-	0,0
VII	Đất hạ tầng sau nhà	16.698,0	16.698,0	-	0,0
	HTSN	16.698,0	16.698,0	-	0,0

STT	Tên phân khu	Diện tích đất theo quy hoạch chi tiết xây dựng (m ²)	Diện tích đất đã giao (m ²)	Diện tích đất giao đợt 6 (m ²)	Diện tích đất chưa giao (m ²)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)-[(4)+(5)]
VIII	Đất trạm trung chuyển CTR	360,0	360,0	-	0,0
	B-GR-1	180,0	180,0	-	0,0
	B-GR-2	180,0	180,0	-	0,0
IX	Đất giao thông, bãi đỗ xe	166.074,7	161.920,6	4.154,1	0,0
1	BĐX - P	8.589,1	8.574,5	-	0,0
2	GT	157.485,6	153.331,5	4.154,1	0,0
Tổng cộng (I+II+...+IX)		436.517,7	432.363,6	4.154,1	0,0